

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST  
Ngày: 16-8-2022  
V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản là kỷ  
phần thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trí Nhân.

Bà Nguyễn Thị Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “Chia thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1949;

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

2. Bà Phan Thu H, sinh năm 1945;

Quốc tịch: Úc;

Địa chỉ: Úc.

3. Bà Phan Thu C, sinh năm 1945;

Quốc tịch: Úc;

Địa chỉ: Úc.

4. Ông Phan Thu T1, sinh năm 1958;

Quốc tịch: Úc;

Địa chỉ: Úc.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà H, bà C, ông T1: Bà Nguyễn Phan Huỳnh T2, sinh năm 1970 (theo các Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021, 12/11/2021 và 02/12/2021) (có mặt);*

HKTT: Đường T, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Đường T, Phường S, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phan Mỹ L, sinh năm 1962 (có mặt);

2. Bà Trần Thị K, sinh năm 1946;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Bà Phan Mỹ L, sinh năm 1962 (theo Giấy ủy quyền ngày 21/6/2022) (có mặt);*

Cùng địa chỉ: Đường T, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo các đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02/12/2021, ngày 08/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T, ông Phan Thu T1 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Phan Huỳnh T2 trình bày:*

Bản án số 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định căn nhà cất trên phần đất có diện tích 342,8m<sup>2</sup>, loại đất ở, thuộc thửa 113, tờ bản đồ số 4 tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của các đồng thừa kế:

- Bà Phan Thị V (sinh năm 1910, chết năm 1989). Bà V không có chồng, con.

- Ông Phan Văn Q (sinh năm 1912, chết năm 1983). Ông Q có vợ là Nguyễn Thị D (sinh năm 1916, chết năm 1998); có 04 người con chung với bà D là Phan Thu C, Phan Thu H, Phan Thị Thu T, Phan Thu T1.

- Ông Phan Văn L1 (sinh năm 1914, chết năm 2006). Ông L1 có vợ là Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1921, chết năm 1983); có 05 người con chung với bà C1 là Phan Thị H1, Phan Thị P, Phan Thị Thu V1, Phan Thị T3, Phan Thị Thu D1.

- Ông Phan Văn M (sinh năm 1918, chết năm 1986). Ông M có vợ là Phạm Thị A (sinh năm 1922, chết năm 2015); có 03 người con chung với bà A là Phan Ngọc T5 (sinh năm 1952, chết năm 2003, có vợ là Lê Thị S, con là Phan Ngọc Q1), Phan Thị Minh N, Phan Ngọc H2.

- Bà Phan Thị T4 (sinh năm 1921, chết năm 2009). Bà T4 không có chồng, có 01 người con là Phan Mỹ L.

- Bà Phan Thị N1 (sinh năm 1927, chết năm 1953). Bà N1 có chồng là Trần Văn H3 (sinh năm 1926, chết năm 1975); có 01 người con chung với ông H3 là Trần Thị K.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang thẩm định tổng giá trị tài sản tranh chấp ngày 20/03/2019 là 6.102.193.000 + 443.891.640 = 6.546.084.640 đồng.

*“Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/04/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy bà L và bà K là người trực tiếp gìn giữ tôn tạo giá trị tài sản, ngoài phần tài sản mà các ông bà được thừa kế của cụ Phan Thị T4, cụ Phan Thị N1 thì bà K và bà L còn được chia một phần trong khối tài sản chung. Như vậy, giá trị tài sản nhà và đất là 6.546.084.640 đồng sẽ được chia làm 06 phần, mỗi phần có giá trị là 1.091.014.106 đồng”.*

Bản án số 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử, chia thừa kế tài sản nêu trên; đối với phần tài sản còn lại thì tạm giao cho bà Phan Mỹ L và Trần Thị K quản lý.

Do bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 là người thừa kế của ông Q nên các ông bà đề nghị xem xét, giải quyết những phần thừa kế còn đang tạm giao cho bà L và bà K quản lý.

Bà T, bà H, bà C và ông T1 mỗi người yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế bằng giá trị theo quy định pháp luật đối với di sản là phần đất có diện tích 342,8m<sup>2</sup>, loại đất ở, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 4 tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và căn nhà cất trên phần đất nêu trên. Các ông bà đồng ý cân trừ chi phí sửa chữa nhà theo yêu cầu của bà Phan Mỹ L. Như vậy, phía bà K và bà L phải liên đới trả cho bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 đồng. Chậm nhất là ngày 30/11/2022, bà L và bà K phải liên đới trả hết 04 kỷ phần cho các ông bà, mỗi kỷ phần trị giá 266.000.000 đồng.

*\* Theo bảng trình bày ý kiến ngày 29/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Mỹ L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị K trình bày:*

Bà và bà K đồng ý trả lại giá trị kỷ phần mà bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 mỗi người được hưởng sau khi trừ đi chi phí sửa chữa nhà; giá trị mỗi kỷ phần bằng tiền là 266.000.000 đồng. Do số tiền mà bà và bà K phải trả lại cho bà C, bà H, bà T và ông T1 là rất lớn nên các bà đề nghị phía nguyên đơn gia hạn thời gian trả tiền, chậm nhất là ngày 30/01/2023 các bà sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên. Đồng thời các bà yêu cầu được lập thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang trước ngày 30/6/2023.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ tranh chấp: Đề nghị xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi lại kỷ phần thừa kế trong khối tài sản chung đã chia” theo Điều 166 Bộ luật Dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, hai bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận là không trái với quy định của pháp luật, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.*

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 khởi kiện yêu cầu bà L và bà K là người đang quản lý kỷ phần thừa kế của nguyên đơn giao lại một kỷ phần thừa kế bằng giá trị theo quy định pháp luật đối với di sản là phần đất có diện tích 342,8m<sup>2</sup>, loại đất ở, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 4 tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và căn nhà cất trên phần đất nêu trên với số tiền 1.091.014.106 đồng; đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản là kỷ phần thừa kế” theo quy định tại Điều 166 và Điều 617 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà C, bà H, bà T, ông T1 hiện đang sinh sống tại nước ngoài; theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Nguyên đơn bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 khởi kiện yêu cầu bà L và bà K là người đang quản lý kỷ phần thừa kế của nguyên đơn giao lại một kỷ phần thừa kế bằng giá trị theo quy định pháp luật đối với di sản là phần đất có diện tích 342,8m<sup>2</sup>, loại đất ở, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 4 tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và căn nhà cất trên phần đất nêu trên với số tiền 1.091.014.106 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Phan Huỳnh T2 và bị đơn bà Phan Mỹ L thống nhất trình bày:

Tại Bản án số 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật đã xét xử, xác định căn nhà cất trên phần đất có diện tích 342,8m<sup>2</sup>, loại đất ở, thuộc thửa 113, tờ bản đồ số 4 tại Đường T, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của các đồng thừa kế:

- Bà Phan Thị V (sinh năm 1910, chết năm 1989). Bà V không có chồng, con.

- Ông Phan Văn Q (sinh năm 1912, chết năm 1983). Ông Q có vợ là Nguyễn Thị D (sinh năm 1916, chết năm 1998); có 04 người con chung với bà D là Phan Thu C, Phan Thu H, Phan Thị Thu T, Phan Thu T1.

- Ông Phan Văn L1 (sinh năm 1914, chết năm 2006). Ông L1 có vợ là Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1921, chết năm 1983); có 05 người con chung với bà C1 là Phan Thị H1, Phan Thị P, Phan Thị Thu V1, Phan Thị Thu, Phan Thị Thu D1.

- Ông Phan Văn M (sinh năm 1918, chết năm 1986). Ông M có vợ là Phạm Thị A (sinh năm 1922, chết năm 2015); có 03 người con chung với bà A là Phan Ngọc T5 (sinh năm 1952, chết năm 2003, có vợ là Lê Thị S, con là Phan Ngọc Q1), Phan Thị Minh N, Phan Ngọc H2.

- Bà Phan Thị T4 (sinh năm 1921, chết năm 2009). Bà T4 không có chồng, có 01 người con là Phan Mỹ L.

- Bà Phan Thị N1 (sinh năm 1927, chết năm 1953). Bà N1 có chồng là Trần Văn H3 (sinh năm 1926, chết năm 1975); có 01 người con chung với ông H3 là Trần Thị K.

Trị giá tài sản chung của các đồng thừa kế là 6.546.084.640 đồng, do đó mỗi phần có giá là 1.091.014.106 đồng và chia thừa kế tài sản nêu trên; hiện nay bà L và bà K đang quản lý kỷ phần thừa kế của ông Phan Văn Q với số tiền 1.091.014.106 đồng.

Bà T1 đồng ý cắt trừ chi phí sửa chữa nhà 26.668.666 đồng theo yêu cầu của bà Phan Mỹ L. Bà K và bà L đồng ý liên đới trả cho bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế của ông Q sau khi trừ đi chi phí sửa chữa nhà, số tiền còn lại là 266.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh.

Bà L và bà K hiện đang quản lý kỷ phần thừa kế của ông Phan Văn Q với số tiền 1.091.014.106 đồng, nên phải có nghĩa vụ giao lại cho hàng thừa kế của ông Phan Văn Q là bà C, bà H, bà T và ông T1 sau khi trừ đi chi phí sửa chữa nhà, còn lại mỗi người được nhận là 266.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 166 và Điều 617 Bộ luật Dân sự.

Bà T1 yêu cầu chậm nhất là ngày 30/11/2022, bà L và bà K phải liên đới trả hết 04 kỷ phần cho các nguyên đơn, mỗi kỷ phần trị giá 266.000.000 đồng. Bị đơn bà Phan Mỹ L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị K yêu cầu chậm nhất là ngày 30/01/2023 các bà sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16 tháng 8 năm 2022, bà Nguyễn Phan Huỳnh T2 (là người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn bà Phan Thị Thu T, bà Phan Thu H, bà Phan Thu C và ông Phan Thu T1) và bà Phan Mỹ L (bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị K) đã thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bà Phan Mỹ L và bà Trần Thị K liên đới trả cho bà Phan Thu C giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng; trả cho bà Phan Thu H giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng; trả cho bà Phan Thị Thu T giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng; trả cho ông Phan Thu T1 giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng. Hạn cuối thực hiện việc trả tiền là ngày 15/01/2023; hết thời hạn này, bà L và bà K phải liên đới trả hết 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm

của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với yêu cầu của bà L và bà K được lập thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang trước ngày 30/6/2023: Tại Bản án số 39/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật đã có quyết định đối với yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét quyết định lại.

[5] Về án phí: Các nguyên đơn bà T, bà H, bà C và ông T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó các ông bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 616 và Điều 617 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 26, 35, 37, 147, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Phan Huỳnh T2 (là người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn bà Phan Thị Thu T, bà Phan Thu H, bà Phan Thu C và ông Phan Thu T1) và bà Phan Mỹ L (bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị K) tại phiên tòa như sau:

Bà Phan Mỹ L và bà Trần Thị K liên đới:

- Trả cho bà Phan Thu C giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng;

- Trả cho bà Phan Thu H giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng;

- Trả cho bà Phan Thị Thu T giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng;

- Trả cho ông Phan Thu T1 giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Hạn cuối thực hiện việc trả tiền là ngày 15/01/2023. Hết thời hạn này, bà L và bà K phải liên đới trả hết 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 266.000.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Các nguyên đơn bà T, bà H, bà C, ông T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn lại bà Phan Thu C, bà Phan Thu H, bà Phan Thị Thu T và ông Phan Thu T1 22.365.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000096 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**